

## CHUYẾN ĐI BẮC KỲ NĂM ẤT HỢI (1876) CỦA TRƯƠNG VĨNH KÝ NHÌN TỪ BÌNH DIỆN THỂ TÀI VĂN HỌC

THE JOURNEY TO TONKIN (1876) TRUONG VINH KY VIEWED FROM THE GENRE OF  
LITERARY FIELD

*Nguyễn Phong Nam*

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng*

Email: npnam@dce.udn.vn

### TÓM TẮT

*Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* của Trương Vĩnh Ký là cuốn sách có nhiều giá trị. Đây là một tài liệu quý trong lĩnh vực nghiên cứu quốc học. Nó chứa đựng những thông tin quan trọng về cuộc đời và sự nghiệp trí thức, tư tưởng chính trị và học thuật của Trương Vĩnh Ký.

*Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* được giới nghiên cứu đánh giá rất khác nhau. Tuy nhiên, xét về phương diện văn học, thiên du ký này chính là tác phẩm quan trọng nhất của Trương Vĩnh Ký. Nó là cột mốc đánh dấu sự phát triển của thể tài du ký hiện đại trong văn học Việt Nam. Đây cũng là bằng chứng về những đóng góp cụ thể của ông cho quá trình hiện đại hóa văn học dân tộc.

**Từ khóa:** Trương Vĩnh Ký, chuyến đi Bắc Kỳ, thể tài, lĩnh vực văn học, du ký

### ABSTRACT

The *Journey to Tonkin 1876* (Truong Vinh Ky) is a literary work having plenty of value. It's a valuable document about the research of Vietnamese studies. The book contains very much important information about the writer's life, literary career, political thought and learning.

The *Journey to Tonkin 1876* (Truong Vinh Ky) was appreciated by the academic circle in different ways. However, in terms of literary field, it's the most important book by Truong Vinh Ky. It's the marker in the development of the genre of modern travelling notes in Vietnamese literature. Also, it is the proof of Truong Vinh Ky 's contributions to the process of Vietnamese literature modernization.

**Key words:** Truong Vinh Ky; journey to Tonkin; genre; literary field; travelling notes

### 1. Đặt vấn đề

Trong sự nghiệp trí thức của Trương Vĩnh Ký, *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* [4] là tác phẩm có ý nghĩa đặc biệt hơn cả. Cuốn sách này được ông xuất bản vào năm 1881, sau chuyến ra Bắc trước đó 5 năm; một chuyến đi gây nhiều hệ lụy cho (thanh danh) họ Trương và làm hao tổn không biết bao nhiêu giấy mực của giới nghiên cứu. Trong khối sách đồ sộ của ông, gồm đủ chủng loại (sáng tác, biên khảo, dịch thuật...) bằng nhiều ngôn ngữ (Việt, Hán, Bồ, Pháp...), quy mô tác phẩm này rất khiêm tốn, chỉ hơn ba chục trang in; những nhân vật, sự việc được nhắc đến trong sách cũng rất rõ ràng; đại để nội dung nói chuyện thăm viếng thường tình... Ấy thế mà nó lại là điểm xuất phát (và cũng là bằng cứ) cho những cuộc tranh cãi bất phân thắng bại kéo dài từ đầu thế kỷ XX cho đến tận ngày nay.

Có một thực tế là lâu nay, khi tìm hiểu về

cuộc đời và sự nghiệp của Trương Vĩnh Ký, giới nghiên cứu luôn gặp phải tình cảnh trở trêu mà như có người nói, là bị một thứ "sương mù" bao phủ lên, làm nhòe mờ đi. Ông luôn bị người đời nhìn nhận bằng một thái độ nghi ngại, dè dặt. Thư tịch, tài liệu nghiên cứu về ông không hiếm, thế nhưng sự thật trong đó thường không mấy đảm bảo; khá nhiều thông tin liên quan đến Trương Vĩnh Ký bị khúc xạ theo một hướng nào đó. *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* là một trường hợp như thế. Tác phẩm này, thậm chí còn được trưng dẫn để chứng minh cho hành vi làm "Việt gian" của họ Trương.

Vấn đề đặt ra ở đây là, *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* cần được hiểu như thế nào? Giá trị đích thực của tác phẩm này là gì?

Theo dõi những cuộc tranh luận về Trương Vĩnh Ký lâu nay, dễ dàng nhận ra một điều: ảnh hưởng của các loại thiên kiến (thậm chí là định

kiến), đã chi phối rất nhiều đến nhận thức của nhà nghiên cứu về đối tượng. Mà điều này lại liên quan mật thiết đến cái gọi là “điểm nhìn” (point of view) của nhà khoa học. Rút cuộc, điểm mấu chốt trong sự khác biệt giữa các loại ý kiến khi đánh giá về danh nhân Trương Vĩnh Ký nói chung, *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* nói riêng, lại xuất phát từ quan điểm tiếp cận.

Khi tìm hiểu các công trình, bài viết liên quan đến *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)*, chúng tôi rất ngạc nhiên khi nhận thấy hầu như chưa bao giờ người ta coi đó là một tác phẩm văn học đúng nghĩa; trong khi nó lại là một cột mốc thực sự của lịch sử văn học, xét trên phương diện *thể tài*. Đây chính là đóng góp quan trọng nhất, thể hiện vị thế của một nhà văn lớn trong quá trình hiện đại hóa văn xuôi – báo chí quốc ngữ.

## 2. Kết quả nghiên cứu và bình luận

### 2.1. Trước tiên, hãy nói về thể tài du ký với tư cách thuật ngữ nghiên cứu văn học

Trong lịch sử văn học – báo chí Việt Nam từ đầu thế kỷ XX trở về trước, những tác phẩm được gọi đích danh là *du ký* vốn rất hiếm hoi. Có vẻ như Nguyễn Bá Trác [2] là người đầu tiên đã dùng nó một cách tự giác, với dụng ý nhấn mạnh đặc điểm của chủ đề, lối văn trong một tác phẩm được gọi là *Hạn mạn du ký*. Nguyễn Bá Trác, trong vai một nhà báo, đã thuật lại những gì mình trải nghiệm được từ những chuyến du lịch đến nhiều xứ sở. Thiên bút ký trường thiên này được đăng trên *Nam phong tạp chí* từ tháng 8 năm 1920 đến tháng 1 năm 1921 với 6 kỳ liên tục.

Từ *du ký* (遊記), theo nghĩa từ nguyên, là ghi chép về “sự đi”, sự xê dịch, thường ngoạn cảnh quan xứ lạ. Thế nhưng nội hàm của khái niệm *du ký* - một thể tài văn học - thì lại khá phức tạp. Chúng có lẽ ngoại trừ bài của Nguyễn Bá Trác ra thì lại có nhiều tác phẩm dù không được gọi *du ký* nhưng xét về bản chất chúng rất gần gũi nhau. Chẳng hạn, những tập văn xuôi chữ Hán như *Thượng kinh ký sự* của Lê Hữu Trác[5]; *Bắc hành tùng ký* của Lê Quýnh[3]; *Tây hành kiến văn kỷ lược* của Lý Văn Phức[3]... hoặc những tập văn xuôi quốc ngữ như

*Sách số sang chép các việc* của Philipphê Bình[1]; *Pháp du hành trình nhật ký, Thuật truyện du lịch Paris, Du lịch xứ Lào* của Phạm Quỳnh[2]... Thậm chí, ngay cả đối với *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* thì Trương Vĩnh Ký cũng gọi tác phẩm của mình là “truyện” (trang bìa sách tác giả đề *Tự thuật vãng Bắc Kỳ truyện* - 自述往北圻傳). Như vậy, chúng ta dễ dàng nhận ra điểm chung rất quan trọng giữa chúng: lối văn ghi chép từ những chuyến đi. Nếu đối chiếu với văn học Phương Tây, thì thấy rằng trên đại thể, chúng cũng chẳng khác mấy so với lối bút ký lữ hành (*travelling notes*) một thể văn xuôi tự sự rất thông dụng ở nhiều nước.

Nhưng nói thể không có nghĩa mọi tác phẩm viết về lữ hành đều giống hệt nhau. Nếu xét kỹ về phương thức thể hiện thì lại thấy trong cái khối chung này, có nhiều nhóm, loại với những nét đặc thù. Chẳng hạn, đều là “hành trình ký sự” song hình thức lại rất khác nhau; có những văn bản ghi chép tỉ mỉ bằng lối văn xuôi nhật dụng về chuyến đi theo một lịch trình cụ thể (được gọi là “nhật ký”, “nhật trình”); lại cũng có khi tác phẩm được thể hiện dưới dạng thơ trường thiên (*Như Tây nhật trình* của Trương Minh Ký là một “câu chuyện” dài tới 2000 câu thơ); có trường hợp ghi chép chuyến đi qua hồi ức, một dạng “hồi ký” (*Bắc hành tùng ký* của Lê Quýnh); lại có cuốn được thể hiện dưới dạng “du khảo” - thiên về giới thiệu “kiến văn” (*Tây hành kiến văn kỷ lược* của Lý Văn Phức, *Giá Viên biệt lục* của Phạm Phú Thứ)[3]... Nói cách khác, ngay trong bản thân cái gọi là *du ký* cũng rất đa dạng, không hề thuần nhất chút nào.

Như vậy, *du ký* với tư cách một *thể tài văn học*, bao hàm trong đó những kiểu dạng tác phẩm có hình thái rất khác nhau. Nét đặc thù của những tác phẩm thuộc thể tài *du ký* chính là nhận thức của bản thân người viết qua các cuộc viễn du, là sự trải nghiệm lữ hành.

Khác với văn học nhiều nước Phương Tây, thể tài *du ký* ở ta xuất hiện muộn và cũng ít được chú ý. Có nhiều lý do liên quan đến hiện tượng này, nhưng chung quy có lẽ là bởi người Việt vốn e ngại sự di chuyển, chỉ lên đường khi chẳng đành đặng. Trong quá khứ, không kể hạng người bình dân,

ngay đối với các bậc phong lưu cũng thế. Người nông dân phải nhọc nhằn vật lộn mưu sinh, bị ràng buộc bởi trăm thứ hữu hình, vô hình, nên không thể có điều kiện để du ngoạn đã đành; cả đến văn nhân cũng ít có điều kiện (kể cả nhu cầu) để du ngoạn đúng nghĩa. Cho đến đầu thế kỷ XX mà những người “mê” đi, “có gan” đi như Tần Đà, Nguyễn Tuân... chỉ là hạn hữu. Mà đã ít người đi, ít kẻ dám dẫn bước phiêu lãng thì mạch văn chương du ký hạn hẹp, thưa thớt cũng là chuyện dễ hiểu. Trong bối cảnh đó, *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* có giá trị vượt hẳn tính chất của một tác phẩm du ký thông thường; nó đánh dấu cho quá trình hiện đại hóa một thể tài, góp phần làm nên bước tiến mạnh mẽ của văn học dân tộc nói chung trên con đường hiện đại hóa chặng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

## **2.2. Tính hiện đại của Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876) thể hiện qua hai điểm cốt yếu: cảm hứng lữ hành của tác giả và lối văn xuôi rất mới mẻ trong tác phẩm**

Với thiên ký sự này, lần đầu tiên trong mạch văn chương quốc ngữ xuất hiện một tác phẩm thuộc thể tài du ký đúng nghĩa. Nói như vậy là muốn nhấn mạnh đến tính chất của tác phẩm chứ không thuần xét về thời điểm xuất hiện. Bởi nếu so ra thì tác phẩm của Trương Vĩnh Ký không phải sớm nhất; *Sách số sang chép các việc* của Philippê Bình còn xuất hiện trước đó rất lâu (từ năm 1822). Nhưng dù vậy, dù ra đời sớm hơn nửa thế kỷ, tôi cho rằng cuốn của Philippe Bình chưa phải là một thiên du ký theo nghĩa *hiện đại* bởi tính chất du hý, thường lăm chưa trở thành ý vị chính yếu của sự đi; nó vẫn thiên về kê biên (*sang chép*) tư liệu; cái “tôi” lữ khách chưa thực sự nổi bật. Trong khi du ký hiện đại chủ yếu phải là những cái được “sáng tạo” (compose), là câu chuyện của chính du khách (họ là nhân vật chính, nhân vật trung tâm của cuốn sách). Mặc dù so với truyền thống tự sự trong văn chương Việt, cách mở đầu tác phẩm của Philippe Bình đáng được ghi nhận là một biệt lệ. Ông viết: “*Tôi là thầy cả Philip Bình...*” – một lối nhập đề rất mới lạ, có thay đổi so với các tác giả trung đại, song bóng dáng của người du khách vẫn rất mờ nhạt, bị khuất hẳn đi sau tư liệu (*các việc*). Bởi ở đây, “Tôi” cũng

không phải “nhân vật” chính, “chuyến đi” cũng không phải đối tượng chính; cái chính ở đây là “việc”.

Trương Vĩnh Ký bắt đầu thiên du ký một cách thật giản dị: “*Năm Ất Hợi (1876), bài trường tham biện vừa xong, vùng tính đi ra Bắc chơi một chuyến cho biết. Trong bụng muốn cũng đã lâu; nên xin với quan trên, nhờ dịp chiếc tàu Duchaffaud đi mà đi. Về sắm hòm rương áo quần. Rủ thầy Ba Hớn với ông Sáu Thìn, nguyên một người ở tỉnh Bắc Ninh, một người ở Sơn Tây mà vào trong Nam Kỳ đã lâu, đi theo trước là cho có bạn, sau nữa là cho họ về thăm quê quán.*”. Cái lý do của chuyến đi đơn giản và rõ ràng hết sức: *đi cho biết Bắc Kỳ*. Mục đích đi để khám phá, tìm hiểu “xứ lạ” của chủ thể ở đây rất khác so với trạng thái bị động của phần đa kẻ lữ hành trong các thiên hành trình ký sự trước đó. Một lối khởi hành mang tính chất lãng tử, tài tử khác hẳn với những chuyến đăng trình rên rang nghi thức, tâm trạng ngổn ngang. Cần nhớ chuyến đi được khởi hành vào mười tám tháng Chạp, là lúc đã “năm cùng tháng tận”, sắp cận kề một cái Tết cổ truyền. Thế mà vẫn háo hức lên đường. Sức hút của chuyến đi lấn át hết những vướng bận thường nhật khác.

Cái tâm thế phiêu lưu này được bộc lộ rất rõ vào thời điểm tác giả đã hoàn tất chuyến đi theo dự kiến, xuống Hải Phòng để đáp tàu vào Gia Định. Rủi là bị trễ chuyến: “*Lỡ dịp đi, buồn bực quá. Nhưng mà cũng chẳng qua là bởi đâu xây khiến cho được biết đất Bắc rõ hơn. (...) Vì vậy qua mùng 3 tháng 2, mới tính ở mà đợi lóng nhóng đó cũng mất công vô ích; chi bằng hỏi ngữ về ngã Hương Cảng đi, để chờ dịp tàu sau về ngay Nam Kỳ. Mà bởi không biết chắc ngày nào tàu ra, mới tính đi rong ít ngày qua Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hưng Yên cho biết xứ*”. Rõ ràng qua đây, cái gọi là “cảm hứng lữ hành” ở họ Trương rất nổi bật; nó được đưa vào trong tác phẩm một cách nguyên vẹn.

Cần đặc biệt lưu ý tới cái tâm thế, cảm hứng lữ hành hiện đại này bởi nó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cái gọi là “nhãn quan nghệ thuật” trong tác phẩm. Cái cách nhìn, lối cảm nhận về thế giới thực tại của lữ khách phụ thuộc rất nhiều vào tâm trạng, tâm lý

cũng như cái đích nhắm đến của chuyến đi. Bởi vì cảm quan ngoại giới của một du khách sẽ rất khác với cách cảm nhận của một kẻ bộ hành với mục đích mưu sinh, hay một hành nhân tị nạn, hoặc của một kẻ bị lưu đày... Nói khác đi, tâm thế này sẽ ảnh hưởng đến việc lữ khách nhìn thấy cái gì (?), cảm thấy điều gì (?), thu nhận được ý nghĩa gì từ chuyến đi. Đối với Trương Vĩnh Ký, mục đích chuyến du hành này là để thỏa ý thích được đi; và chính đó là tâm thế của “kẻ lữ hành hiện đại”. Thích được trải nghiệm thông qua cảm giác xê dịch là một trong những đặc điểm tâm lý của chủ nghĩa cá nhân (individualism). Bởi đối với con người cá nhân cá thể hiện đại, đi là để nhận biết và để khẳng định. Câu nói trứ danh của Paul Morand: “Ta muốn sau khi ta chết đi, có người thuộc da ta làm chiếc va li” không chỉ là tuyên ngôn của tín đồ thuộc “giáo phái xê dịch”, mà còn là một nét tâm thức thời đại.

Với tâm thế chủ động của kẻ lên đường vì chính “sự đi”, Trương Vĩnh Ký đã thu nhận được nhiều điều lý thú và đưa vào trong thiên du ký. Trong đó, ông đặc biệt chú ý tiếp cận và ký chép kỹ càng về những cuộc tiếp xúc với các nhân vật ở địa phương, các phong tục tập quán và các danh lam thắng tích mình được tận mắt chứng kiến. Đường như đây cũng chính là những dạng du lịch phổ biến nhất của lữ hành đương đại; được khái quát thành các thuật ngữ có tính chất chuyên ngành như *tham quan học tập* (study tour), *du lịch văn hóa* (cultural travel), *du lịch sinh thái* (ecology travel). Cách tiếp cận đối tượng, cách hành xử trong từng tình huống cụ thể của họ Trương gợi ý cho ta nhiều điều thú vị.

### **2.3. Trương Vĩnh Ký kể lại trong *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876) một cách ngắn gọn song khá đầy đủ về những cuộc tiếp xúc với rất nhiều nhân vật ở Bắc Kỳ***

Mật độ các cuộc thù tiếp dày đặc. Đối tượng rất phong phú, thuộc nhiều “tip” người khác nhau, sang hèn đủ kiểu dạng. Trong số này, có 3 nhóm người được ông thuật lại khá tỉ mỉ: giới chức người Pháp, quan lại Nam triều, chức sắc nhà thờ. Điều oái oăm là, chính những cuộc tiếp xúc này đã dẫn đến những rắc rối cho ông; dư luận phán xét về hành vi này của ông khá nặng nề; nhiều nghi vấn về mục

đích thực sự của chuyến đi Bắc Kỳ được đặt ra. Những đồn đoán về hành tích họ Trương kéo dài dai dẳng lâu nay một phần cũng từ đây mà ra. Nhiều ý kiến cho rằng chuyến ra Bắc của ông, du lịch chỉ là cái cớ, cái vỏ che đậy một sứ mạng chính trị quan trọng. Sứ mạng đó là gì thì chưa ai chứng minh được; thế nhưng người ta cho rằng với những cuộc tiếp kiến bất kể ngày đêm diễn ra liên tục trong suốt thời gian ông ở Bắc Kỳ, và nhất là với hầu hết những nhân vật quan yếu của chính quyền lẫn nhà thờ thì hẳn nhiên nó phải bất thường.

Tất nhiên, bản luận thị phi là quyền của dư luận. Song có một thực tế là cho đến bây giờ, cái điều bí mật được che đậy từ chuyến ra Bắc của Trương Vĩnh Ký là gì vẫn là một câu hỏi. Phải chăng dư luận đã quá khắt khe với ông? Và con người này có đáng bị trùm cho một cái nghi án mơ hồ như thế không?

Thực ra, cái sự khác thường ở đây nếu có chăng, chỉ là chỗ các nhân vật mà họ Trương tiếp xúc đều thuộc diện “kẻ sang”; và quả thực, có gì đó như là một sự hâm mộ, trọng thị (đôi khi hơi quá đáng) mà người xứ Bắc dành cho ông. Nhưng nếu ngẫm kỹ, cũng chẳng có gì đáng gọi là bất thường ở đây. Trương Vĩnh Ký vốn là người tiếng tăm lừng lẫy, quảng giao, lại từng trải ở những vị thế đặc biệt (giám đốc trường thông ngôn, chủ bút Gia Định báo...); uy danh của ông đâu chỉ vang dội trong xứ Annam(!). Vậy thì việc họ Trương - một danh sĩ đến từ Xứ Nam Kỳ vào dịp tổng cự nghênh tân này rất đáng được coi là sự kiện lớn; rộn ràng thù tạc cũng chẳng có gì khác thường cả. Và chẳng, nhìn vào lịch trình thăm viếng của ông kể cũng khó chỉ ra chỗ ám muội. Ngoại trừ hai cuộc viếng thăm lãnh sự Pháp ở Hải Phòng, Hà Nội (tác giả dùng chữ “thăm”, không rõ có liên quan gì đến bốn phạm của một công dân khác xứ không), còn lại đều là những cuộc tiếp kiến đầy ngẫu hứng, không hẹn trước. Và Trương Vĩnh Ký tỏ ra rất hứng thú với những cuộc hàn huyên, đàm đạo này. Ngay cuộc tiếp kiến các đức thầy, cha cố, chức dịch nhà thờ... cũng là những cuộc gặp ngẫu nhiên của một du khách ưa giao du, muốn học hỏi.

### **2.4. Phần chủ yếu trong cuốn sách, *Trương Vĩnh***

### **Ký dành để ghi chép về những điều trải nghiệm được từ thực tế**

Danh sách những thắng tích, cảnh quan Bắc Hà ở đây thật phong phú: *Chùa Nguyễn Đăng Giai, Hồ Hoàn Kiếm, Đền Kinh Thiên, Cột cờ, Đền Công, Ông Thánh Đổng Đen, Chùa Một Cột, Hồ Tây, Văn Thánh Miếu...* Có điều lý thú là với thói quen cố hữu của một nhà khoa học, ông tiếp cận cảnh vật theo cách riêng của mình; quan sát và ghi chép như một nhà khảo cứu đang tiếp cận tư liệu hơn là một du khách. Những con số, lời bình, chú giải về địa danh, địa bạ, lịch sử... của họ Trương rõ là thao tác của một nhà nghiên cứu chuyên nghiệp. Đây là một đoạn ghi chép về *Thổ sản đất Hà Nội*: “*Lúa: lúa dẽ (dụ), lúa thông, lúa dự, lúa lem bông, lúa trĩ, lúa hương, lúa thầy đường, lúa bạch canh. Nếp: nếp bông vàng, nếp răng ngựa, nếp ruộng, nếp cau, nếp trái vải, nếp đuôi chồn, nếp ngọc thực... To, bông cán, hàng đoan bông (phương Thọ Xương, kiên liên dết), trầu bông (Từ Liêm), hàng lượt, lãnh bóng, lượt bùng, the rây, lựa bông, lựa trắng, thao, vải trắng, the làn, xuyên, láng gốc... Cây hội (giấy viết sắc), các thứ giấy, quạt trúc, nón nan; ngói gạch, nôi đất (đồ gốm); trà, muối diêm, mật ui, đường hạ; vôi đá, bánh phục linh, trôi nước, xôi bông đường, bánh mì khoai, rượu trắng; khoai lang mộng, khoai sấp, khoai mài, khoai tím, khoai ngọt; củ sắn, củ đậu, củ nân, củ huyênh tinh, xoài, mít, nhãn, hồng thom, hồng đỏ...*”

Quả là không dễ để có thể kê biên một cách chi li từng giống lúa khoai, loại lựa là, thức dùng... với hàng chục tên gọi khác nhau như thế nếu không có con mắt và cái trí của nhà bác học, ham hiểu biết, rất lịch lãm. Trong cái cách kể lể, liệt kê này, ta dễ nhận thấy trạng thái háo hức, mê đắm, tập trung của Trương Vĩnh Ký. Một cái nhìn hồ hững, một sự phân tâm của chủ thể không bao giờ tạo tác được những trang tư liệu về phong thổ như vậy.

Một đoạn ghi chép về phong tục xứ Bắc chứng tỏ cái nhìn hết sức tỉ mỉ, từng trải của tác giả: “*Trong tư dân đều có chuyên nghề cả, mà nông thì hội hơn. Chón Thiêng Thị thì công thương tụ, có lộn Ngõ Khách. Đàn ông còn trai hay ngồi quán ngồi lều trà rượu ăn chơi, còn việc cày cấy thì nhờ đàn*

*bà con gái làm.*

*Đàn ông ăn mặc cũng thường, điều áo vấn tới đầu gối, đầu hay đội nón ngựa, bịt khăn đen.*

*Đàn bà mặc áo có thắt lưng làm bùi (bọc), yếm đỏ, không gài nút nịt, nút vai thả không ra mà thôi, đầu đội nón giàu (ba tầm), lớn gần bằng cái nia, hai bên có hai quai tụ vấn toong teng, đầu vấn ngang, lấy lượt nhiều vấn tóc mà khoanh vấn theo đầu. (có một làng Kẻ Lò có đàn bà bới tóc); Dưới mặc váy, chân đi dép sơn; nước da mịn màng trắng trẻo, má hồng, da ửng, gót sơn, phốp pháp người; răng nhuộm đen cánh gián.*

*Thói trật áo thắt lưng là non bởi trời đông thiên rét lạnh; đàn bà có con, cho bú một lần phải mở nhiều áo khó lòng, nên để luôn như vậy. Còn thắt lưng thì cũng là vì lạnh; con gái thấy vậy cũng bắt chước làm theo, mùa nào mùa nấy cũng để luôn như vậy mà thành tục.”*

Điều thú vị trong phần nói về phong tục không chỉ ở những thông tin mà còn ở lời nhận xét, bình luận. Quan sát, ghi nhận và bình phẩm, giải thích về các phong tục tập quán một cách tinh tế nhưng cũng rất hóm hỉnh là một đặc điểm nổi trội trong thiên du ký này.

### **2.5. Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876) được xuất bản vào năm 1881, thời điểm văn xuôi quốc ngữ đang ở chặng thử nghiệm, thế mà lạ thay, nó lại mang một dáng vẻ hiện đại đến khó tin**

Chả cần phải đối sánh với những truyện thơ Nôm, văn xuôi chữ Hán cùng thời, hãy cứ so với phần lớn những tác phẩm văn xuôi quốc ngữ ra đời mấy chục năm sau nữa nhưng vẫn chưa thoát khỏi giọng biền ngẫu, đặng đối cổ kính... sẽ thấy văn Trương Vĩnh Ký hiện đại thế nào. Dưới đây là đoạn kể chuyện du ngoạn Động Từ Thức ở Thanh Hóa, đoạn văn hay nhất trong toàn bộ tác phẩm:

*“Hang Từ Thức ở tại xã Trị Nội, tổng Kiều Vịnh, huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung. Đi đến đó phải đi qua cái đèo, rồi đi vòng lại bên tả mới tới miệng hang. Chỗ ấy kêu là Từ Thức động hay là Bích Đào động.*

*Ở ngoài có cái miếu nhỏ nhỏ, nơi cửa động có chữ đề khắc vô đá. Vào trong phải có đuốc, vô*

trong nó rung rinh, có chỗ có đường như cột đá; dưới chân, chỗ thì có đá viên tròn vo bằng viên đạn cũng nhiều, nhỏ hơn nữa cũng nhiều, có chỗ thì đầy những đá đen cục hòn mà thành hình như trái mãng cầu khô; còn có chỗ lại có đá ra hình bàn ghế, mòn trơn có vân có hoa như chạm trở vậy. Trên đầu ngó lên thấy thạch nhũ như là màn treo có thể bỏ xuống, trong đá coi nhấp nháng sáng ngời như kim sa. Hết bùng binh này tới bùng binh khác. Sau hết xuống tới cổ kiềng là cái miệng xuống hang dưới nữa, nó như miệng giếng, phải nghiêng mình lặn theo thì xuống mới đặng; dưới đáy hết thì có cái như cái ao bèo cám lênh láng. Đi hồi giờ thứ 6 đến giờ thứ 8 rưỡi mới tới nơi.”

Đoạn văn trần thuật rất sinh động; lời dẫn rất tự nhiên, nhưng không dễ dãi mà chùng mực; đủ để bao quát hết được các hành vi. Khả năng làm chủ ngôn từ của họ Trương rất đáng nể. Các từ dùng mô tả rất chính xác, gọi liên tưởng. Đây đúng là lối văn “như lời nói thường”, bằng thứ tiếng “Annam rông” mà họ Trương từng ao ước; một lối văn thoát ra khỏi cái trường ước lệ của thi ca, cái khuôn sáo của văn chức năng, nhật dụng.

Có rất nhiều đoạn, người đọc bị cuốn hút không chỉ vì được đồng hành, dõi theo quá trình thường lãm các cảnh trí, mà còn lay cái hóm hỉnh, vui nhộn trong cách diễn đạt của tác giả. Đây là đoạn ở Ninh Bình :

“Đến đó xuống cáng để đi chân mà coi chơi cho biết, cho cáng đi không. Qua khỏi Tam Điệp rồi tới quán Cháo, ra tới quán Gành vừa tới, nên ở lại quán ngủ đó một đêm. Giờ thứ tư sáng ở quán Gành cất ra đi, khỏi quán Sanh, Ba Vương rồi mới tới tỉnh Ninh Bình. Dọc đường đi ngó thấy tại đất bâng có nhiều cái hòn núi nhỏ riêng nhau ra từng cái, đường như núi cảnh, như non bộ đất vậy. Đi riết giờ thứ 8 rưỡi tới tỉnh vào trọ nhà bà Phó Vàng là người có đạo ở gần tỉnh. Nghỉ ngơi, cơm nước đó một lát, kể lấy trong tỉnh quan tuần phủ tên là Đặng Xuân

Toán cho ông lãnh binh ra mời vô thành chơi, (giờ thứ 41). Xách dù đi có đem ông Kỳ đi theo vào thành, thiên hạ nghe tiếng người Gia định rùng rùng kéo nhau đi coi, lớp kia lớp nọ đông nức. Vào thành rồi, nó còn làm hồn leo trèo mà coi, thì quan lãnh binh phải đóng cửa thành lại. Thăm ông tuần rồi, có quan án đó (Đồng Sĩ Vịnh) lại mời luôn về dinh. Khi từ già ra về, người có đem tiền chân 2 bình trà với 20 quan tiền.”

Đúng thật là lối ngao du tùy hứng; không câu nệ, chẳng cần lịch trình; gặp gỡ, nghỉ ngơi theo ý thích. Và ngẫm ra kiểu đi “phượt”, “du lịch bụi” ngày nay của giới trẻ, cũng như cái dòng mạch văn chương du khảo đang phát triển rầm rộ trong văn học Việt thời gian gần đây không phải là không thừa hưởng được chút gì từ chuyến đi năm ấy của Trương Vĩnh Ký.

### 3. Kết luận

Chuyến đi *Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* của Trương Vĩnh Ký là cuốn sách có nhiều giá trị. Nó không chỉ là một tài liệu quý báu trong lĩnh vực nghiên cứu quốc học, tìm hiểu về đất nước, con người, văn hóa Việt mà còn chứa đựng những thông tin đáng tin cậy để nghiên cứu về chính cuộc đời và sự nghiệp, tư tưởng chính trị và học thuật của Trương Vĩnh Ký, một danh nhân văn hóa tầm cỡ thế giới.

Xét trên bình diện văn học, *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)* cũng là một tác phẩm rất đáng chú ý của Trương Vĩnh Ký. Tính chất hiện đại, mới mẻ được bộc lộ rất rõ ràng thông qua cảm quan, giọng điệu, ngôn từ, cấu trúc của tác phẩm. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của thể tài du ký hiện đại trong văn học Việt Nam. Thiên du ký này là bằng chứng cụ thể về những đóng góp hữu ích của ông cho quá trình hiện đại hóa văn học dân tộc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Philipphê Bình (1968), Thanh Lãng soạn, giới thiệu, *Sách số sang chép các việc*, Học viện Đà Lạt xuất bản.
- [2] *Du ký Việt Nam - tạp chí Nam Phong, 1917-1934* (2007), Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm, giới thiệu), Nxb

Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

- [3] Nguyễn Đăng Na (2001), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, tập II, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Trương Vĩnh Ký (1881), *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi (1876)*, Bản in Nhà hàng C. Guillard et Martinon, Saigon.
- [5] Lê Hữu Trác (1971, Phan Võ dịch), *Thượng kinh ký sự*, NXB Văn học, Hà Nội.